TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2026/HNGĐ -ST
Ngày: 30-03-2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị An

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm và ông Nguyễn Minh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 745/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh Đ, sinh năm 2000
Địa chỉ: Ấp E, xã G, tỉnh Cà Mau.
Số Căn cước công dân: 095200006013; ngày cấp: 14/02/2025.

Bị đơn: Chị Dương Thu H, sinh năm: 2002
Địa chỉ: Ấp E, xã G, tỉnh Cà Mau.
Số Căn cước công dân: 094302001990; ngày cấp: 05/10/2022.

(*Anh Đ có đơn xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, anh Phạm Thanh Đ trình bày:

Anh và chị Dương Thu H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục, tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền ngày 30/05/2023.

Nguyên nhân ly hôn do vợ anh có người đàn ông khác, anh biết được và đã khuyên can nhiều lần nhưng vợ anh không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không

hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra khoảng 01 năm, hiện anh và vợ không còn sống chung. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Dương Bảo A, sinh ngày 21/10/2023. Hiện con đang sống với vợ vì khi anh ra đi anh có ẵm con theo nhưng sau đó thì chị H đã bắt con lại. Nay anh thống nhất để con lại cho vợ tiếp tục chăm sóc, không yêu cầu xem xét cấp dưỡng cho con; Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Đối với Bị đơn: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Dương Thu H vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa;

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Phạm Thanh Đ được ly hôn chị Dương Thu H; Về con chung, thống nhất để con chung cho chị Dương Thu H tiếp tục chăm sóc; tài sản và nợ chung: không đặt ra giải quyết; Về án phí: anh Đ phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Thanh Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Dương Thu H. Chị H có địa chỉ cư trú tại Ấp E, xã G, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Đ có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 30/05/2023. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tình trạng mâu thuẫn: Căn cứ lời trình bày của anh Đ Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh và chị H có nguyên nhân là do thiếu sự tin tưởng và chia sẻ. Thực tế, anh chị đã sống ly thân, mỗi người tự lo liệu cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn chị H.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Đ và chị H có 01 con chung tên Phạm Dương Bảo A, sinh ngày 21/10/2023. Xét về quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Bảo A hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, đang trực tiếp sống cùng mẹ. Anh Đ cũng thống nhất giao con cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý và điều kiện phát triển tốt nhất cho con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh Đ xác định tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình: Anh Đ phải nộp án phí 300.000 đồng.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;HJohH

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thanh Đ, cho anh Phạm Thanh Đ được ly hôn với chị Dương Thu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56 đăng ký ngày 30/05/2023 tại UBND phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Dương Bảo A, sinh ngày 21/10/2023 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ tự nguyện không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Phạm Thanh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Đ xác định tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Thanh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007005 ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND khu vực 8 - Cà Mau;*
- *THADS tỉnh Cà Mau;*
- *UBND phường Sóc Trăng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP; HSVA.*

Đỗ Thị An